

SỞ Y TẾ TỈNH AN GIANG
TTYT GIỒNG RIỀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 139/QĐ-TTYT

Giồng Riềng, ngày 01 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ GIỒNG RIỀNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội;
Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ quyết định số: 138/QĐ-TTYT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Trung tâm Y tế Giồng Riềng về việc Phê duyệt Dự toán mua thuốc, vật tư y tế phục vụ cho công tác chữa bệnh.

Xét năng lực tài chính, khả năng, uy tín và chất lượng cung cấp hàng hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chọn: Công ty cổ phần dược Doanh Trí
Địa chỉ: Lô P25-08, Đường 3 tháng 2, KĐT Phú Cường, Phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

Là đơn vị có đủ năng lực: cung cấp thuốc, vật tư y tế nhằm phục vụ công tác chữa bệnh.

Điều 2. Công ty cổ phần dược Doanh Trí có trách nhiệm cung cấp hàng hóa theo số lượng, chất lượng và giá cả theo báo giá của công ty.

Tổng số tiền là: **21.226.000** đồng (Hai mươi một triệu, hai trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

Điều 3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 4. Thời gian thực hiện hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giao trách nhiệm cho Khoa Dược-TTB-VTYT có trách nhiệm thông báo kết quả phê duyệt lựa chọn nhà thầu, thương thảo ký kết hợp đồng và thực hiện các bước tiếp theo đúng qui định hiện hành của nhà nước.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Khoa Dược-TTB-VTYT và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Cổng TTĐT TTYT GR;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Nhì

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 139 /QĐ-TTYYT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của
Trung tâm Y tế Giồng Riềng)

Đvt: đồng

STT	Tên hàng	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Glucose 5% - Ch/500ml-Bitech	Chai	40	13,500	540,000
2	Hapacol 325-V/10-H/100vie-HG	Hộp	7	28,000	196,000
3	Hapacol Blue -Para 500-v/10 h/100 t/8000	Hộp	20	35,000	700,000
4	Hydrocortison 100mg/2ml-H/1C-(BĐinh)	Cặp	13	18,000	234,000
5	Ibuprofen 400mg-H/100vie-Vaco	Hộp	1	54,000	54,000
6	Klamenti 1g(Amox+Clavu) v/7 h/14-HG	Hộp	1	126,000	126,000
7	Klamenti 250mg-G/1g-H/24 gói-HG	Hộp	2	120,000	240,000
8	Lactated Ringer's-Ch/500ml-Bitech	Chai	305	13,000	3,965,000
9	Mebilax 7,5mg(Meloxicam) v/10 h/20-HG	Hộp	17	17,500	297,500
10	Medisolone 16mg-H/30vie-SPM-3	Hộp	2	84,000	168,000
11	Medisolone 4mg -H/30vie-SPM-2	Hộp	6	27,000	162,000
12	Metoclopramid 10mg/2ml(Primeperan) - h/12A	Hộp	7	24,500	171,500
13	Midasol-Mictasol-H/100vie-TN(KHo)	Hộp	1	105,000	105,000
14	Mitux gói 200(Acetyl Cystein)-H/24gói-HGi	Hộp	5	32,000	160,000
15	Modom-S (Domper) v/10 h/100-HG	Hộp	7	38,000	266,000
16	Myvita Calcium 500mg-T/20vie-SPM-NHÂN	Tube	11	70,000	770,000
17	Natri Clorid 0,9%-Ch/500ml-Bitech	Chai	145	12,500	1,812,500
18	Natri clorid 0.9% nhỏ mắt-Ch/10ml-DL	Chai	90	3,600	324,000
19	Nystatin 500.000UI-H/2*8-VDi	Hộp	1	17,000	17,000
20	ORLE 20mg xé ngăn-Omeprazol-h/100v	Hộp	16	28,000	448,000
21	Pabemin 2,5g-H/30g-CL	Hộp	5	25,000	125,000
22	Panadol Extra MỚI- H/180-GSK	Hộp	5	252,000	1,260,000
23	Perigolric cap -Loperamide-V/10vie-TNp	Vi	70	2,500	175,000
24	Phospha H/26gói_Pháp	Hộp	7	128,000	896,000
25	Piracetam Kabi 1g/5ml-H/12A-Bdi	Hộp	10	44,000	440,000
26	Prednisolon 5mg-V/20vie-VDi	Vi	140	3,850	539,000
27	Rectiofar Mới 3ml-H/50-pharmedic	Hộp	2	138,000	276,000
28	Rutin vitamin C (50+50)-H/100vie-TN	Hộp	3	23,000	69,000
29	Salonpas hộp nhỏ-h/20m (1h=10hn)-Hisamitsu	Hộp	8	28,000	224,000
30	SIHIRON Cream -T/10g-BT	Tube	20	6,800	136,000
31	Spasmonavin-V/15vie-KHo(TN) (H/20 vi)	Vi	50	4,200	210,000
32	Stilux 60mg-Rotundin- Vi/10vie-TPC	Vi	10	13,200	132,000

33	Tamgezyl 500mg Dài (Tanganyl#Pháp)-h/20v	Hộp	38	15,000	570,000
34	Test thử thai Pregnancy HCG(xanh)-H/1q-NHà	Hộp	30	5,000	150,000
35	Toussolene 5mg(Theralen)-V/25-(KHo)	Vi	10	3,600	36,000
36	Vincopane#Buscopan (Hyoscin Butylbromid)-A:20mg/1ml-h/10A	Hộp	7	71,000	497,000
37	Vincozyn Plus-H/10A-VPhúc	Hộp	6	18,000	108,000
38	Vitamin C 500mg (Nén) V/10 - QB	Vi	50	2,500	125,000
39	Voltaren inj 75mg- H/5A- Novartis	Hộp	6	110,000	660,000
40	Edoz Kids(A.Citric)- g/2gr h/24-HG	Hộp	27	34,000	918,000
41	Gastrogel-V/10-DL	Vi	50	6,200	310,000
42	YBIO (Lacto)- g/1g H/24-HG	Hộp	21	41,000	861,000
43	Rob Euca Fort #Euca Đỏ-H/100vie-TVp-1	Hộp	3	60,000	180,000
44	Rob Euca #Euca xanh-H/100vie-TVp-1	Hộp	2	55,000	110,000
45	Calcium+D-H/100vie-Q4,TNam	Hộp	3	30,000	90,000
46	Vitamin B1B6B12 New-hồng#Nhật-V/10-PP	Vi	90	2,200	198,000
47	BComplex-V/10vie-PP	Vi	10	2,650	26,500
48	Magnesi B6-H/50vie-PP-Usar	Hộp	18	13,000	234,000
49	Myvita Multi- Tub/20-SPM-NHÂN	Tube	5	25,600	128,000
50	T Vitamin E400IU -H/100vie-Medi(Robi)-3	Hộp	2	58,000	116,000
51	Pharton Usarich (Vita+GS)-H/60vie-PP	Hộp	1	35,000	35,000
52	Bipp C cam-H/35gói*10 viên-HGiang	Hộp	2	90,000	180,000
53	Enteric nén TPCN -Ch/100-Nady	Chai	7	65,000	455,000
TỔNG CỘNG:				21,226,000	